TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST
Ngày 29 - 6 - 2018
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Biên Ải
Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2017, về việc tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1946 (có mặt)
- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thanh N, sinh năm 1975 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Cao Hoàng M, sinh năm 1950 (vắng mặt)
+ Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1954 (vắng mặt)
+ Anh Hồ Minh T, sinh năm 1969 (vắng mặt)
+ Chị Trịnh Diệu H, sinh năm 1969 (vắng mặt)
+ Anh Đỗ Duy D, sinh năm 1973 (có mặt)
+ Anh Đỗ Thành Đ, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp THLA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Vào ngày 22/5/1998 bà và anh Hồ Minh T có nhận chuyển nhượng diện tích đất nuôi trồng thủy sản 11,3 công của ông Cao Hoàng M tọa lạc tại ấp Tân HLA, xã T Đ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 19/8/2011 anh T nhượng lại cho bà phần đất 8,3 công trong diện tích 11,3 công nhận chuyển nhượng của ông M, giá mỗi công 09 chỉ

vàng 24k. Các lần sang nhượng giữa anh T và ông M cũng như giữa bà với anh T đều không có đo đạt cụ thể diện tích đất mà chỉ thể hiện diện tích 11,3 công và 8,3 công trên giấy tay sang nhượng. Khoảng 6 tháng sau chị N và anh D kết hôn khi đó do tuổi cao và thường xuyên bị bệnh không làm được việc nặng nên bà giao toàn bộ diện tích đất 8,3 công cho vợ chồng chị N quản lý canh tác và giao giấy tờ tùy thân (gồm có giấy sang nhượng đất giữa anh T với ông M, giữa bà với anh T và sổ hộ khẩu gia đình của bà) cho chị N quản lý. Khoảng năm 2014, 2015 bà giao cho chị N cất giữ dùm 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng bà có nói với chị N giữ giùm nhưng có làm gì phải thông qua ý kiến của bà, đối với phần đất bà giao cho canh tác để nuôi bà đến khi bà trăm tuổi già bà sẽ cho chị N nhưng nếu không nuôi bà được thì bà không cho đất. Việc bà giao đất, vàng, tiền cho chị N chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản và chỉ có bà chị N, anh D biết. Trong quá trình chung sống khoảng thời gian từ tháng 02/2015 đến tháng 6/2015 chị N có xây dựng hai căn nhà kiên cố trong phần đất của bà nói trên. Nguồn tiền dùng để xây nhà là do chị N, anh D canh tác trên phần đất 8,3 công của bà và thu nhập từ việc anh D đi bán đồ tươi. Khoảng tháng 6/2014 bà và chị N xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N không tôn trọng bà, thường xuyên có những lời lẽ nặng nhẹ, mắng chửi và đuổi bà ra khỏi nhà, bà đi khỏi nhà từ tháng 3/2016 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trịnh Thanh N phải trả cho bà Diện tích đất 8,3 công tầm 3m, 30 chỉ vàng 24k, 4.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Q trình bày: Do giữa bà và chị N là mẹ con và còn các cháu của bà nên bà chỉ yêu cầu chị N và anh Đỗ Duy D có trách nhiệm trả cho bà một phần giá trị diện tích đất theo đo đạt thực tế là 12.688m^2 tương đương số tiền 200.000.000 đồng. Bà Q đồng ý giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cùng hai căn nhà và các tài sản khác gắn liền trên đất cho chị N anh D được sử dụng. Ngoài ra, bà không yêu cầu chị N phải trả cho bà 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng.

** Bị đơn Trịnh Thanh N trình bày:* Chị và bà Q là mẹ con ruột, chị sống cùng với bà Q từ nhỏ cho đến ngày 16/8/1998 thì kết hôn với anh Đỗ Duy D. Ngày 22/5/1998 bà Q và anh T có nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Cao Hoàng M là 11,3 công tầm 3m, khi đó anh T sang lại cho bà Q là 8,3 công, giá sang 11,3 công là 102 chỉ vàng 24k trong đó bà Q góp 69 chỉ vàng 24k, anh T góp 23 chỉ vàng 24k, chị góp 10 chỉ vàng 24k. Tại thời điểm làm giấy sang nhượng giữa ông M và bà Q, anh T cũng có chị, bà Q không có đưa cho chị giữ giùm các giấy tờ như bà Q trình bày mà do là mẹ con ở chung nhà nên khi làm giấy tay xong chị đem cất và quản lý. Riêng đối với sổ hộ khẩu vào năm 2008 vợ chồng chị làm thủ tục để cấp sổ hộ khẩu, chủ hộ bà Q, sau khi được cấp thì chị quản lý cho đến nay. Khoảng tháng 11/1998 bà Q có nói với chị nay bà đã già không canh tác đất được nên giao đất lại cho vợ chồng chị để nuôi bà, sau này bà Q trăm tuổi già sẽ cho chị được hưởng. Sau khi sang đất bà Q, chị và anh D, anh T không lên bờ ranh riêng mà cùng sử dụng chung. Do mâu thuẫn tiền bạc nên vào năm 2001 các bên thống nhất thỏa thuận cắt đất bao chu vi riêng để sử dụng, theo đó anh T được hưởng 2,7 công tầm lớn, diện tích đất còn lại giao cho bà Q và vợ chồng chị sử dụng. Năm 2011 Nhà nước có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh T mới làm giấy nhượng đất (giấy nhượng đất ngày 19/8/2011) để hai bên dễ làm thủ tục

cấp quyền sử dụng. Tuy nhiên, đối với bà Q do điều kiện khó khăn nên đến nay vẫn chưa làm quyền sử dụng đất. Vào tháng 02/2015 chị có thuê thợ xây dựng nhà sau, do bà Q có quan hệ tình cảm với người thợ làm nhà, chị không đồng ý nên giữa chị và bà Q có xảy ra cự cải nhưng chị không có đuổi bà Q ra khỏi nhà. Ngày 22/3/2016 bà Q đi thăm bà nội bệnh và không về nhà cho đến nay. Đối với hai căn nhà kiên cố về thời gian xây dựng, nguồn tiền xây dựng như bà Q trình bày là đúng. Nay qua yêu cầu của bà Q chị N không có khả năng trả cho bà Quí 200.000.000 đồng nên không đồng ý theo yêu cầu của bà Q. Chị và anh D đồng ý giao trả lại phần đất 8,3 công đất tầm 3m (theo đo đạt thực tế là 12.688m^2) cho bà Q, đối với hai căn nhà chị đồng ý giao cho bà Q được hưởng nhưng chị yêu cầu bà Q phải trả cho chị và anh D giá trị hai căn nhà là 450.000.000 đồng và công sức của vợ chồng chị đóng góp, tôn tạo trên đất là 400.000.000 đồng. Đối với 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng chị không giữ giùm nên không đồng ý theo yêu cầu của bà Q.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Đỗ Duy D trình bày:*Anh D thống nhất theo nội dung trình bày của chị N. Tuy nhiên, khi anh T sang nhượng đất của ông M thì anh có chứng kiến nhưng sự việc cụ thể bà Q, chị N, anh T góp vàng bao nhiêu anh không biết. Sau khi anh kết hôn với chị N thì anh về sống chung với bà Q, anh và chị N là người trực tiếp canh tác đất của bà Q, tiền sổ vuông do chị N quản lý. Ngày 16/8/1998 bà Q có nói với vợ chồng anh cố gắng làm, khi nào bà trăm tuổi già thì vợ chồng anh hưởng. Do anh thường xuyên đi bán đồ tươi không có ở nhà nên không biết mâu thuẫn giữa bà Q và chị N, chị N có đuổi bà Q đi không thì anh không biết. Tuy nhiên, anh có nghe bà Q than buồn và cũng có nói với anh về việc sau này bà sẽ không sống chung với vợ chồng anh. Ngày 22/3/2016 bà Q có nhờ anh đưa bà ra kênh xáng để đi thăm bà nội. Sau đó khoảng một tháng thì bà Q về yêu cầu họp thân tộc nên anh mới biết sự việc giữa bà Q và chị N.

Đối với việc bà Q trình bày có giao cho chị N giữ giùm 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng việc này anh không biết.

Nay anh thống nhất yêu cầu của chị N, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Ông Cao Hoàng M trình bày:* Vào khoảng năm 1996 ông có sang nhượng cho anh Hồ Minh T và bà Q diện tích đất 11,3 công tọa lạc tại ấp Tân HLA, xã TĐ, huyện ĐD, giá mỗi công là 09 chỉ vàng 24k, khi sang ông và anh T có làm giấy tay mỗi bên giữ một bản, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Giấy tay sang nhượng do bà Q quản lý nhưng sau này bà Q làm mất nên có mượn lại giấy tay sang nhượng để nộp hồ sơ khởi kiện. Khi sang nhượng các bên không có đo đạt cụ thể diện tích đất mà sang toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã giao cho chị N quản lý. Sau này anh T mới tách một phần đất bao chu vi sử dụng riêng trong diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông, anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất còn lại bà Q quản lý và sử dụng cho đến nay và chưa chuyển tên quyền sử dụng. Nay việc sang nhượng giữa ông với bà Q, anh T đã thực hiện xong ông không có liên quan gì trong vụ án đồng thời nay vì già yếu, điều kiện đi lại khó khăn nên xin được từ chối tham gia tố tụng tại tòa và đồng ý để tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- *Anh Hồ Minh T trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Q và chị N là trước

đây anh nhận chuyển nhượng của ông Cao Hoàng M vào năm 1998, diện tích 11 công góc ba tầm lớn, giá mỗi công 09 chỉ vàng 24k, khi nhận chuyển nhượng chỉ viết giấy tay đồng thời không có đo đạt diện tích cụ thể. Sau khi nhận chuyển nhượng đến năm 2011 anh chuyển nhượng lại cho bà Q diện tích đất 8 công hai góc ba, khi chuyển nhượng cũng không đo đạt cụ thể và hợp đồng cũng viết giấy tay. Phần đất còn lại của anh khoảng 3 công tầm lớn nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đối với việc chị N và anh D có ký vào tờ nhượng đất ngày 19/8/2011 là do khi đó chị N là con ruột bà Q, anh D là con rể ở chung nhà. Anh xác định đối với hai hợp đồng sang đất nêu trên thì chị N và anh D không có lần nào bỏ vàng hay tiền vào hùn sang đất với bà Q. Đối với chị N ở chung với bà Q từ nhỏ, anh D về ở vào khoảng tháng 11/1998. Bà Q, chị N, anh D sử dụng chung diện tích đất 8,3 công nêu trên. Đối với căn nhà của chị N, anh D xây dựng thì tiền xây nhà là do số vuông (canh tác phần đất của bà Q) và anh D đi bán đồ tươi. Đối với phần đất anh đã sang cho bà Q diện tích 8 công hai góc ba nay thuộc quyền sở hữu của bà Q anh không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do bận nhiều công việc phải đi làm xa nên anh từ chối không tham gia tố tụng vào vụ án.

- *Bà Trương Mỹ H trình bày:* Ngày 11/4/2018 bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nay xin trình bày như sau: Trước đây chồng bà là ông Cao Hoàng M có sang nhượng phần đất cho anh Hồ Minh T. Quá trình sang bà có tham gia và đồng ý sang với chồng bà và bà có ký tên vào giấy sang nhượng. Nay xét thấy không còn liên quan và cũng không có ý kiến gì nên từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

- *Chị Trịnh Diệu H trình bày:* Trước đây giữa ông M và anh T là chồng chị có sang nhượng phần đất của ông M. Vào thời điểm đó chị có chứng kiến và đồng ý cùng anh T sang nhượng phần đất của ông M và chị có ký tên vào giấy sang nhượng. Nay xét thấy không còn liên quan nên không có ý kiến gì, Chị H từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

- *Anh Đỗ Thành Đ trình bày:* Anh có nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà Q khởi kiện mẹ anh là Trịnh Thanh N. Qua thông báo của Tòa án anh xác định từ trước đến nay anh sống cùng bà Q và cha mẹ là Đỗ Duy D và Trịnh Thanh N khi lớn lên đi học, thời gian ở nhà có phụ giúp gia đình làm những việc nhỏ. Đối với phần đất cũng như căn nhà và các tài sản khác trong nhà anh đều không có công sức tạo lập mà do cha mẹ anh có công sức tải tạo cũng như góp tiền để xây nhà và tạo ra các tài sản khác. Nay anh xác định do không có công sức đóng góp gì lớn nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này. Cha mẹ anh là người có công cải tạo, góp tiền xây nhà nên cha mẹ anh có yêu cầu riêng. Trường hợp sau này bà Q không để lại cho anh phần đất nào để đảm bảo cuộc sống thì anh có quyền yêu cầu bằng vụ án khác. Anh Đ xin từ chối tham gia tố tụng vào vụ án.

* Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, đúng tư cách đương sự, hòa giải vụ án đúng quy định, thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử đúng theo quy định tại Điều 220 của

Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như việc chấp hành nội quy phiên tòa đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q buộc chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D phải trả cho bà Q giá trị diện tích đất theo đo đạt thực tế là 12.688m^2 bằng 200.000.000 đồng. Giao diện tích đất theo đo đạc thực tế cho chị N, anh D quản lý sử dụng. Đình chỉ yêu cầu của bà Q về việc yêu cầu chị N trả cho bà 3 cây vàng 24k và 4.500.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá tài sản chị N, anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bà H, chị H, anh T, anh Đ có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Q khởi kiện chị N yêu cầu trả 8,3 công đất bà Q giao cho chị N và anh D sử dụng và 30 chỉ vàng 24k, 4.500.000 đồng bà Q giao cho chị N giữ giùm nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đòi lại tài sản quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét về nguồn gốc đất: Xét thấy nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp với nhau về nguồn gốc đất là vào năm 1998 anh T và bà Q nhận chuyển nhượng của ông Cao Hoàng M diện tích đất nuôi trồng thủy sản 11,3 công tọa lạc tại ấp Tân HLA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau đến ngày 19/8/2011 anh T chuyển nhượng lại cho bà Q diện tích 8,3 công, phần còn lại anh T bao chu vi sử dụng riêng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015 với diện tích 3.599m^2 do anh Hồ Minh T và chị Trịnh Diệu H đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó có căn cứ xác định 8,3 công đất (theo đo đạt thực tế là 12.688m^2) tọa lạc tại ấp THLA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hiện nay do chị N và anh D quản lý sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị Q.

Xét về phạm vi yêu cầu và việc thay đổi yêu cầu của bà Q: Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 bà Q yêu cầu chị N trả cho bà 8,3 công đất. Tuy nhiên, trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bà Q thay đổi yêu cầu, bà chỉ yêu cầu chị N, anh D trả cho bà một phần giá trị đất tương đương số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà Q không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng

như tại phiên tòa chị N và anh D đều xác định diện tích đất 12.688m^2 anh chị đang quản lý sử dụng là đất của bà Q giao cho anh chị quản lý sử dụng để có thu nhập trong gia đình và chăm sóc bà Q. Tuy nhiên, anh chị không đồng ý trả cho bà Q số tiền 200.000.000 đồng vì không có khả năng nhưng anh chị đồng ý trả lại toàn bộ diện tích đất cũng như các tài sản gắn liền với đất cho bà Q được hưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả bà Q và chị N, anh D đều không yêu cầu nhận đất nhưng hiện tại chị N và anh D cùng các con của anh chị đang quản lý, sử dụng ổn định diện tích đất của bà Q cũng như hai căn nhà do anh chị xây dựng. Mặc khác, tại phiên tòa chị N và anh D trình bày hiện nay ngoài hai căn nhà và diện tích đất của bà Q ra thì anh chị không còn nơi nào sinh sống cũng như không còn tài sản nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để đảm bảo cho sự ổn định trong cuộc sống của chị N, anh D cùng các con của anh chị nên giao toàn bộ diện tích đất 12.688m^2 và hai căn nhà cho chị N và anh D tiếp tục quản lý sử dụng theo yêu cầu của bà Q. Buộc chị N và anh D phải trả cho bà Q một phần giá trị đất tương đương 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các loại giấy tờ bà Q giao cho chị N quản lý như giấy sang nhượng đất giữa ông M với anh T, giữa anh T với bà Q, sổ hộ khẩu của bà Q, Chị N đang quản lý 8 cây xiêng dầu, 03 cây cột dầu, 01 bộ ván dầu 04 tấm, 01 bộ giường ngủ làm bằng cây đước, hai ngôi mộ bằng đá trên đất cũng như các tài sản khác gắn liền với đất như một ngôi nhà lá sử dụng làm gian bếp, cây ăn trái và các loại cây tạp khác bà Q, chị N và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của chị N và anh D yêu cầu bà Q phải trả cho anh chị công sức đóng góp trên đất là 400.000.000 đồng và giá trị hai căn nhà là 450.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh chị thấy rằng anh chị có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tòa án có thông báo cho anh chị nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh chị không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, chị N và anh D cũng trình bày do hoàn cảnh hiện nay của anh chị khó khăn không có điều kiện nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của anh chị trong vụ án này. Trường hợp chị N và anh D có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với yêu cầu của bà Q về việc yêu cầu chị N phải trả cho bà 30 chỉ vàng 24k, 4.500.000 đồng nhưng trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Q có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị N phải trả cho bà 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trịnh Thanh N phải trả cho bà 30 chỉ vàng 24k và 4.500.000 đồng, nếu sau này bà Q khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Q không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với ông Cao Hoàng M, bà Trương Mỹ H, anh Hồ Minh T, chị Trịnh Diệu H xác định hiện nay đất đã chuyển nhượng cho bà Q xong không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Đỗ Thành Đ xác định trong qúa trình sống chung gia đình với bà Q, chị N, anh D thì anh Đ không có công sức đóng góp trên đất cũng như không góp tiền xây dựng nhà và tạo ra các tài sản khác do đó anh không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do toàn bộ yêu cầu của bà Q được chấp nhận nên chị N và anh D phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả cho bà Q. Anh D, chị N phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản theo quy định pháp luật. Bà Q không phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 228, khoản 1, 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 luật đất đai; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q. Buộc chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D phải trả cho bà Nguyễn Thị Q một phần giá trị diện tích đất 12.688m^2 tọa lạc tại ấp Tân HLA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do ông Cao Hoàng M đứng tên quyền sử dụng số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Giao toàn bộ diện tích đất 12.688m^2 tọa lạc tại ấp THLA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do ông Cao Hoàng M đứng tên quyền sử dụng có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn P và Cao Minh T gồm các điểm: M1M2 = 85,0m, M2,m3 = 64,5m, M3M4= 7,8m, M4M5=23,5m; hướng Tây giáp Kinh B gồm các điểm M8,M9 = 30m; hướng N giáp đất anh Hồ Minh T gồm các điểm M6M7=144,5m, M7M8 = 32m; hướng Bắc giáp Lung S gồm các điểm M1M10 = 153,5m cho chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D tiếp tục quản lý sử dụng.

(kèm theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạt đất tranh chấp ngày 25/8/2017).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu chị Trịnh Thanh N phải trả cho bà 30 chỉ (ba mươi chỉ) vàng 24k và số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Q 8.040.000 đồng (tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền dự nộp án phí tại biên lai số 0008762 ngày 21/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu, bà Q dự nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) được nhận lại; Chị Trịnh Thanh N và anh Đỗ Duy D phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), chị N và anh D có trách nhiệm nộp số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung